

CHƯƠNG VIII

THẾ KỶ XIV VÀ XV

Thế giới Kitô giáo tại Âu châu giờ đây được phân chia ra thành những đơn vị quốc gia. Các biên giới giữa các nước cũng đã được xác định, và người dân mang tâm thức quốc gia nhiều hơn. Một số quốc gia hay công quốc có những văn bản tổ chức được viết bằng ngôn ngữ địa phương. Các hội đồng và các cố vấn đại diện tìm cân bằng cho quyền hành các lãnh chúa và kiểm soát thuế má và hành chánh.

Thôn quê thường xuyên bị các binh sĩ, các nhóm cướp, các cuộc chiến giữa các lãnh chúa, và thời tiết thất thường quấy phá. Những trận đói lớn hoành hành đưa tới những cuộc nổi dậy của nông dân. Con “dịch đen” (1347-1349) đã giết một phần ba dân số trong thôn quê và trong các thành phố ở giữa thế kỷ thứ XIV. Một số nông dân vẫn tiếp tục sống dựa vào các lãnh chúa, và một số khác đã bỏ thôn quê lên thành thị. Vào cuối thế kỷ thứ XIV, tình hình tại thôn quê rất bất ổn. Tình trạng trong các thành phố cũng không khá hơn, các công nhân bị đuổi việc và họ cũng bị loại khỏi nhóm điều hành bởi giai cấp tư sản. Tiền lương lại quá thấp nhất là trong xí nghiệp vải. Vì thế có những cuộc xung đột thường. Ngược lại với tình trạng trên, các lãnh chúa, giới tư sản vẫn tiếp tục làm giàu thêm và mở rộng ảnh hưởng trên xã hội.

A. ĐỨC GIÁO HOÀNG TẠI AVIGNON (1309-1377)

Về phương diện Giáo hội, thời kỳ cũng đưa đến cuộc khủng hoảng lớn với giai đoạn Đức Giáo hoàng tại thành Avignon (Pháp). Trong hai thế kỷ thứ XIV và XV có thể nói quyền bính Đức Giáo hoàng bị khủng hoảng lớn với sự can thiệp vào nội bộ Giáo hội của nước Pháp, nước Anh và viện Đại học Paris.

Tháng 6 năm 1305, tổng Giám mục thành Bordeaux, Bertrand de Got, được bầu lên ngôi Giáo hoàng và lấy tên Clémentê V. Đức Giáo hoàng tỏ ra muốn hòa giải qua cuộc tranh chấp giữa nhà vua nước Pháp và các Giáo hoàng tiền nhiệm, vì thế trong ngày đăng quang tại thành Lyon (Pháp) có sự hiện diện của nhà vua Philippe le Bel. Nhà vua cũng xin Đức Giáo hoàng đứng ra giải quyết lần cãi giữa nước Pháp và nước Anh về phần đất vùng Gascogne. Ngoài ra tại những lãnh địa Tòa Thánh cũng đang có những cuộc nổi dậy. Với những lý do trên nên Đức Giáo hoàng Clémentê V ở lại Pháp, tại thành Avignon và việc này kéo dài cho tới năm 1377. Đây không phải lần đầu tiên Đức Giáo hoàng sống ngoài thành Rôma nhưng lần đầu tiên sống ngoài xứ Ý với một thời gian dài và khá lâu. Vì thế, người dân Rôma gọi đó như cuộc “lưu đày Babylone”, và sau cuộc nổi dậy của người dân Rôma, giáo triều cũng bỏ Rôma về thành Avignon vào năm 1309.

Việc Đức Giáo hoàng ở lại Pháp và gần với giới quyền hành Pháp cũng gây nên nhiều ngộ nhận, và số đông hồng y lại thuộc người Pháp. Vì thế các Đức Giáo hoàng tại Avignon lại hoàn toàn người Pháp cho cảm tưởng như Giáo hội đang phục vụ nước Pháp. Điều này thấy khá rõ qua vụ dẹp bỏ dòng Đền Thờ (1307-1314) khi Đức Giáo hoàng theo ý vua Philippe le Bel và Công đồng Vienne (1311-1312). Các Đức Giáo hoàng tại Avignon, nhất là dưới triều đại Đức Giáo hoàng Gioan XXII đã phát triển rộng lớn hành chánh giáo hội với một giáo triều bao gồm từ ba trăm đến bốn trăm người. Ngài còn lên án vào năm 1323 luận đề “nghèo như Chúa Kitô và các tông đồ”. Việc điều hành một giáo triều với số người như trên, cộng với việc xây cung điện cho Đức Giáo hoàng Biển Đức XII và Đức Giáo hoàng Clémentê VI đòi hỏi cần có tài chánh để trang trải. Vì thế các Đức Giáo hoàng phải tăng thuế và lấy tiền khi thay thế một ghế nào trống, đã làm dấy lên trên toàn cõi Âu châu những phản kháng và hình ảnh các Đức Giáo hoàng tại Avignon ngày càng xấu thêm.

Trong thời điểm cũng có những thay đổi trong cách điều hành Giáo hội. Các quyền hành được tập trung vào một nơi. Các Đức Giáo hoàng can thiệp nhiều hơn vào việc điều hành Giáo hội qua việc bổ nhiệm trực tiếp các Giám mục, chứ không còn được bầu lên như trước đây. Từ đây Giám mục bởi ân sủng Thiên Chúa và Giáo hoàng. Những người được bổ nhiệm làm Giám mục cũng phải đóng cho giáo triều một năm lợi nhuận của mình. Dầu sao, Đức Giáo hoàng cũng cần đối thoại với các vua chúa trong việc bổ nhiệm một Giám mục.

B. CUỘC LY GIÁO LỚN (1378-1417)

Hay Ly Giáo Tây Phương

Dư luận người Công giáo chung chung đều muốn Đức Giáo hoàng trở về Rôma, trong đó có lời thỉnh cầu của thánh nữ Brigitte xứ Thụy điển và thánh nữ Catarina thành Sienna rất cảm động. Cuối cùng Đức Giáo hoàng Urbain V trở về Rôma và ở đó được ba năm (1367-1370) rồi qua lại Avignon. Khi Đức Giáo hoàng Grêgôriô XI lên kế vị mới quyết định đưa giáo triều về Rôma vào năm 1377. Bây giờ các Đức Giáo hoàng sẽ ở Vatican chứ không còn ở điện Latran nữa. Cuộc trở về Rôma của Đức Giáo hoàng cũng xảy ra những hoàn cảnh buồn thảm như cuộc đụng độ giữa các binh sĩ Giáo hoàng và nhóm người nổi dậy ở Césène với hơn bốn ngàn người tử thương. Các hồng y người Pháp vẫn thích khung cảnh Avignon nhưng bắt buộc phải qua sinh sống ở Rôma, và Đức Giáo hoàng Grêgôriô XI về được đúng một năm và qua đời năm 1378.

Người dân Rôma muốn phải có một Giáo hoàng người Ý, và các hồng y đã bầu tổng Giám mục thành Bari, Bartoloméo Prignano lên Giáo hoàng mang tên Urbain VI. Ngài không thích các hồng y người Pháp và tỏ ra chuyên chế. Các hồng y Pháp bỏ thành Rôma về Pháp và cho biết cuộc bầu cử Giáo hoàng vừa qua tại Rôma bị sức ép quần chúng, vì vậy vào tháng 9 năm 1378 họ tiến trình việc bầu cử lên một Giáo hoàng khác mang tên Clémentê VII và đặt ngai tòa tại Avignon. Các nước Âu châu chia

rẽ giữa hai Giáo hoàng khác nhau, và vua nước Pháp, Charles V, nhìn nhận Đức Giáo hoàng Clément VII đã đưa Giáo hội vào một cuộc ly khai kéo dài bốn mươi năm. Hai Đức Giáo hoàng đều ra vạ tuyệt thông lẫn nhau, và ra những sắc chỉ chống lại nhau. Người tín hữu rất đau khổ với hoàn cảnh này, và chính trong giai đoạn đó đã khai sinh ra Thánh lễ cầu cho sự hiệp nhất Giáo hội.

Vào năm 1409, các hồng y của đôi bên đồng ý triệu tập một Công đồng tại thành Pise để giải quyết vấn đề. Họ đều truất phế cả hai Giáo hoàng và bầu lên một vị khác mang tên Alexandre V. Giáo hội Công giáo giờ có tất cả ba Đức Giáo hoàng vì hai vị trước không chịu từ chức. Khi Alexandre V qua đời Đức Giáo hoàng Gioan XXIII¹⁴⁸ lên thay thế, và hoàng đế Sigismond áp đặt ngài triệu tập một Công đồng tại Constance kéo dài từ năm 1414-1418. Vì sợ bị kết án nên Đức Giáo hoàng Gioan XXIII bỏ trốn. Qua sắc lệnh “Sacro sancta” ban hành ngày 6 tháng 4 năm 1415, Công đồng khẳng định quyền tối thượng của Công đồng trên Giáo hội và Đức Giáo hoàng. Biết rằng khó tìm lại sự hiệp nhất Giáo hội trong lúc này, nên Công đồng tìm có và kết án Jan Hus¹⁴⁹ lên dàn hỏa thiêu vào tháng 7 năm 1415. Đức Grêgôriô XII và Gioan XXIII tuyên bố thoái vị, Đức Biển Đức XIII bị truất phế và Công đồng bầu Đức Giáo hoàng Máctinô V vào tháng 11 năm

¹⁴⁸ Vì Đức giáo hoàng Jean XXIII không được coi như Đức giáo hoàng thực thụ và đúng luật, vì thế vào năm 1956 khi được bầu lên ngài Giáo hoàng, Đức Giám mục Angelo Roncalli mới lấy lại tên Jean XXIII cho mình.

¹⁴⁹ Jan Hus (1369-1415) làm giáo sư tại Đại học Prague et nổi tiếng giảng thuyết có ảnh hưởng trên nông dân Bohème. Jan Hus cũng chịu ảnh hưởng theo tư tưởng John Wyclif (1320-1384), giáo sư tại Oxford, bị kết án lạc giáo nhưng nhờ được bảo trợ của nhà vua nên không bị giết. Jan Hus lên án những lạm dụng và buôn bán ân xá của Giáo hội. Theo ông chỉ có Kinh Thánh mang quyền hành duy nhất trên bình diện đức tin. Jan Hus còn khẳng định ơn cứu chuộc nhưng không của Đức Giêsu Kitô, và giữ giáo thuyết về biến đổi bản thể. Ông bị vạ tuyệt thông và được kêu đến trình bày tại Công đồng Constance. Và tại đó ông bị kết án lên dàn hỏa thiêu.

1417. Cuộc ly giáo chấm dứt và Công đồng đề nghị một cuộc canh tân với những cuộc họp định kỳ của Công đồng¹⁵⁰.

Đức Giáo hoàng Máctinô V dần dà tái lập lại guồng máy bình thường của giáo triều, nhưng công bố quyền tối thượng Đức Giáo hoàng trên Công đồng. Ngài nắm lại các phần đất Tòa thánh và tái lập lại thuế má. Dưới triều đại Máctinô V, Giáo hội trở nên giàu có và có ảnh hưởng lớn trên Giáo hội. Nhưng rồi tới triều đại Đức Giáo hoàng Nicolas V (1447-1455) bị lôi kéo theo trào lưu Phục hưng nước Ý, và chỉ còn biết lo về nghệ thuật và nhân bản. Giáo hội chỉ như một thân thể pháp lý được điều hành bởi một quốc vương, và cai trị bởi một guồng máy quan liêu.

C. DÒNG TU VÀ LINH ĐẠO TRONG THẾ KỶ XIV VÀ XV

Hai thế kỷ XIV và XV không có một dòng tu mới nào được khai sinh. Đời đan tu không còn được coi như hình thức mẫu gương cho cuộc sống Kitô giáo. Và giờ đây có nhiều nhóm giáo dân đạo đức kết hợp lại.

Trong mỗi trấn thủ thường có một tu viện, nhưng đời sống các đan sĩ cũng khá phóng túng và các phong tục cũng có nhiều thay đổi. Bây giờ các đan sĩ chỉ tìm kiếm một cuộc sống nhàn hạ và học hành. Việc học trở nên quan trọng và làm giảm đi giờ kinh phụng vụ. Các đan sĩ đôi khi cũng nhận được tiền riêng và những vị bề trên có những căn hộ riêng. Việc trao bổng lộc hay giám hộ trở nên bình thường tại Pháp, Ý và Tây Ban Nha. Việc đứng tên suốt đời một tu viện được trao cho một giám chức hay một giáo dân và họ nhận lợi nhuận hàng năm, trong khi đó các bề trên phải lo chăm sóc việc điều hành nhà.

Các tu sĩ Phan Sinh rất đông và đi rao giảng trong các giáo xứ dưới sự chấp thuận của Đức Giám mục. Họ ngồi tòa, có thư viện và giúp người tín hữu về lòng đạo đức. Các tu sĩ Đa Minh đang trong thời kỳ khủng hoảng vì ly giáo. Họ được kéo về với lòng

¹⁵⁰ Đức giáo hoàng Martin V giữ đúng lời đề nghị của Công đồng Constance và đã triệu tập Công đồng Pavie năm 1423, Công đồng Bâle năm 1431.

đạo đức bởi nhóm người đến từ thánh Catarina thành Sienna. Dòng cũng được canh tân bên Hòa Lan và bên Đức. Các tu sĩ Chartreux được phép thành lập trong các thành phố và nhờ đó số tu sĩ tăng thêm lên. Họ tìm kiếm ơn gọi nơi giới linh mục đang học tại các Đại học nhưng vẫn giữ sự nghiêm ngặt, thanh lặng và đơn sơ. Dòng Biển Đức và dòng Xitô tái lập lại Luật dòng.

D. NHỮNG NHÓM MỚI

Tâm thức tôn giáo ngày càng được đào sâu hơn nơi một số người tín hữu và họ muốn thực hành Tin mừng, và muốn tìm về gặp gỡ tức khắc với Thiên Chúa qua việc chiêm niệm và sự cầu nguyện. Một phong trào huyền nhiệm với những khuôn mặt nổi tiếng như Catarina thành Sienne, tôn sư Eckhart (1260-1328) và Gioan Tauler (1300-1361) bên Đức và Gioan Van Ruysbroeck (1293-1381) bên Hòa Lan.

1. Catarina thành Sienna (1347-1380) sinh năm 1347 là người con thứ 25 của một gia đình sống tại thành Sienne, và mang tên Catarina Benincasa. Ngài đã được ơn có những kinh nghiệm siêu tự nhiên khi mới vừa được sáu, bảy tuổi. Năm 1363, vào dòng ba Đa Minh, và sau khi tranh luận với gia đình, Catarina được sống tại căn nhà của bố mẹ, và nơi đó ngài đã cho xây một căn phòng nhỏ. Ngài bắt đầu một cuộc sống khổ hạnh (coi như không ăn và không uống) và cầu nguyện, nhưng không áp đặt những điều đó cho những người sống chung quanh. Cuộc sống có ảnh hưởng và kết thành một “đoàn thiêng liêng”. Ngài được linh hướng bởi linh mục Raymond de Capoue. Catarina cảm nhận từ thăm sâu con người những bi kịch thời đại bấy giờ, mang tâm tình thánh phụ trong sự yêu mến tha thiết đối với Giáo hội. Càng yêu mến, càng xót xa đau đớn trước sự kiện tăm áo không đường may của Chúa Kitô bị xé làm đôi do đại ngụy giáo (grand Schisme). Ngài vừa là nhà thần bí vừa là nhà Tông đồ: thần bí, ngài được ơn thăm định các Thân Khí; Tông đồ ngài cũng cố sự hiệp nhất Giáo hội. Ngài dẫn thân đi về Avignon và gặp Đức Giáo hoàng Grêgôriô XI kêu gọi hãy trở về Rôma. Thiên Chúa đã thương cho công

lao đăm hoa kết trái đưa Đức Giáo hoàng trở lại giáo đô Rôma. Trong cuộc sống cũng như trong giáo thuyết, Catarina chỉ nghĩ đến Chúa Kitô. Và một lần chính Đức Giêsu đã nói với Catarina: “con hãy nghĩ về Ta, Ta sẽ nghĩ về con” và Catarina đã được in những dấu thánh. Linh đạo Catarina nhắm vào việc chiêm niệm Chúa Kitô trên thập giá. Lòng sùng kính Đức Mẹ mang nét vui mừng thâm sâu. Cuốn sách “Đối thoại” là một tuyệt tác phẩm văn chương huyền nhiệm. “Những lá thư” cho thấy ngài “bị cắn xé bởi lòng ao ước phục vụ Giáo hội”. Catarina không biết viết, nhưng đọc và để cho người khác viết dùm mình. Catarina qua đời tại Rôma năm 1380 được 33 tuổi, thật xứng đáng nhận chức nữ tiến sĩ Giáo hội dưới thời Đức Giáo hoàng Phaolô VI (cùng với thánh nữ Têrêxa Avila).

2. Tôn sư Eckhart sinh năm 1260 tại Hocheim gần tỉnh Gotha thuộc một gia đình tiểu quý tộc. Vào dòng Đa Minh được đi học tại Erfurt, Cologne, Paris, và trở thành tu viện trưởng một tỉnh dòng. Năm 1311, ngài làm giáo sư thần học tại Paris, Strasbourg và Cologne. Lòng đạo đức huyền nhiệm, giáo thuyết về điều Thiên Chúa sinh ra trong lòng người tin, sự tiếp xúc với Thiên Chúa trong tia sáng tâm hồn, đã ảnh hưởng rất lớn trên trào lưu huyền nhiệm ở nước Đức. Năm 1325 bị nghi ngờ mang thuyết không chính thống, nên bị đưa ra tòa Thẩm Tra (Inquisition) và được gọi qua Avignon nơi Đức Giáo hoàng Gioan XXII đang trú ngụ. Ngài qua đời trên đường qua Avignon năm 1327, và bị kết án sau khi chết bởi sắc chỉ Agro dominico ngày 27 tháng 3 năm 1329. Tôn sư Eckhart thuộc khuôn mặt lớn của Phái huyền nhiệm Rhénane, thường xuyên liên lạc với nhóm Bê-ganh ở Cologne. Ngài rao giảng bằng tiếng Đức ở tại Cologne và vì thế bị đưa ra Tòa Thẩm Tra. Bị kết án lìa xa giáo thuyết chính thống.

3. Jean (Gioan) Tauler sinh ra tại thành Strasbourg. Năm 1315 vào dòng Đa Minh, đi học tại Cologne. Sau khi về lại Strasbourg, giúp làm linh hướng cho các nữ đan sĩ Đa Minh. Ông có sống một thời gian tại Bâle (Thụy Sĩ) khi đang có dịch hạch. Vào khoảng

40 đến 50 tuổi, ông được ơn “trở lại lần thứ hai” và hướng về nội tâm. Từ đây các nữ đan sĩ Đa Minh ghi lại những bài giảng của ngài, đánh dấu có sự thay đổi trong nội dung và cách giảng. Gioan Tauler nhấn mạnh như tôn sư Eckhart về sự cần thiết từ bỏ, thanh tẩy để đạt đến những mức độ “giác ngộ” (chiếu sáng), và mức độ tột đỉnh là sự “hiệp thông”. Ba điểm tương ứng trong nhân chủng học với ý nghĩa, tri thức và thiêng liêng.

4. Jean (Gioan) Ruysbroeck sinh năm 1293, linh mục triều và kinh sĩ tại Bruxelles (Bi) và qua đời năm 1381. Ông cũng có mối giây liên lạc với nhóm Bê-ganh vì mẹ ông sống những năm tháng cuối cùng cuộc đời trong nhà nữ tu Bê-ganh ở Bruxelles. Ông cũng giúp về mặt thiêng liêng cho một cộng đoàn Bê-ganh ở Bruxelles. Sau 20 năm giúp giáo xứ, ông lui về sống ở Groenendal với một vài người bạn mang cuộc sống chiêm niệm.

Đó là những gì đã thấy đề ra ở cuối thời Trung cổ với nhóm được gọi “Phái Huyền nhiệm Rhénane”. Các sử gia gọi trào lưu “devotio moderna” (lối sống mộ tâm thời). Trào lưu “sùng mộ tâm thời” đã canh tân trong nội bộ Giáo hội về đời sống thiêng liêng từ cuối thời Trung cổ, chạm đến giáo dân, giáo sĩ và tu sĩ từ Hoà Lan và tới nước Đức. Con người được đặt lên trên nhưng để tìm ý Thiên Chúa; và muốn đi tới Người cần phải theo gương Chúa Giêsu Kitô. Vì thế, đời sống nội tâm rất quan trọng. Trung tâm điểm là mầu nhiệm Nhập Thể chú trọng vào tha nhân và thực hành khổ chế và sự huyền nhiệm.

5. Gérard Groot hay Grote (1340-1384). Đường hướng thần bí của trường phái Rhénane quá khó khăn, nên có một số tác giả khác tìm cách đơn giản hóa như con đường do ông Gioan Van Ruysbroeck đề nghị sống theo bộ luật Augustinô. Sau này, ông Gérard Groot, một đệ tử Ruysbroeck, nghĩ rằng cần phải đơn giản hóa hơn nữa với một giáo thuyết giản dị và một cuộc sống cầu nguyện đáp ứng cho mọi người. Con người không cần phải biết thần học để đi đến Thiên Chúa. Gérard Groot sinh năm 1340 trong một gia đình khá giả tại Deventer, giáo phận Utrecht

xứ Hòa Lan. Mười tuổi mồ côi cha mẹ và học hành rất giỏi tại các đại học Paris và Cologne. Năm 1374, ông “trở lại” bằng cách bỏ các khoa học đời và đốt đi mọi sách vở. Gérard mang ảnh hưởng phái huyền nhiệm sông Rhin, nhất là theo ông Henri Suso và ông Jean de Ruysbroeck. Sau một thời gian sống trong dòng Chartreux tại Munnikhausen, và chỉ nhận lãnh chức phó tế vì lòng khiêm nhường nên không lãnh chức linh mục. Ông ra đi rao giảng khắp xứ Hòa Lan từ năm 1379 lên án những tập quán của hàng giáo sĩ và kêu gọi sám hối. Ông qua đời năm 44 tuổi trước khi thấy hoàn thành mơ ước của mình, nhưng ông đã đặt nền tảng cho việc thành lập dòng “Các Tu huynh sống cộng đoàn” theo mẫu gương cộng đoàn tiên khởi ở Giêrusalem với những đặc điểm như sau:

- Giáo dân và giáo sĩ sống chung.
- Cầu nguyện chung và theo ngôn ngữ địa phương.
- Phục vụ trong các trường học nơi các tu huynh dạy giáo lý cho các trẻ em nghèo.
- Chép lại những thủ bản để sinh sống, và việc này giúp người tu huynh hồi tâm.

Cộng đoàn “Các Tu huynh sống cộng đoàn” lan rộng tại Hòa Lan, Bỉ và miền bắc nước Pháp. Cuốn “Gương Chúa Giêsu Kitô” (De imitation Christi) do tu huynh Thomas a Kempis (1379-1471) thuộc trào lưu nêu trên viết ra. Một cuốn sách thiêng liêng mang lòng đạo đức dành cho Chúa Kitô. Sau Kinh Thánh cuốn Gương Chúa Giêsu Kitô được in nhiều nhất ở thời trung cổ. Cha César de Bus làm kinh sĩ ở Cavaillon và là Đấng sáng lập các “Cha Giáo thuyết Kitô giáo” vào cuối thế kỷ XVI tuyên bố tự nó cuốn sách quá đầy đủ và không cần thêm cuốn sách nào khác¹⁵¹. Thomas a Kempis đã phổ biến một linh đạo thiên về tâm lý chiều sâu. Về mặt này, cuốn Gương Chúa Giêsu đã thành công khi khơi dậy

¹⁵¹ Marc Venard, Les formes personnelles de la vie religieuse, in Histoire du Christianisme, tome 8, Desclée, trang 1003.

Phong trào đi vào nội tâm, để từ đó đánh giá các sự vật trần thế một cách đúng mức, đồng thời khám phá ra sự cao quý đời sống hiệp thông với Thiên Chúa. Cho đến nay, phong trào vẫn có ảnh hưởng sâu rộng trong cách sống đạo của đại đa số giáo dân. Ngài đã có công nâng dậy một số dòng tu sa sút về đời sống thiêng liêng. Tuy nhiên, theo nhận xét một số thần học gia hiện đại, cái nhìn các tác giả khá bi quan về tri thức nhân loại đã làm phân cách khoa thần học và thần bí.

Ngoài ra cũng cần nói đến sự xuất hiện các nhà thần bí nữ giới. Họ viết nhiều tác phẩm quan trọng về sự chứng nghiệm Thiên Chúa, trong đó nhấn mạnh tính Kitô thuộc của các tín hữu. Họ thuộc về Chúa Kitô vì Ngài là sự sống và hạnh phúc của họ, vì thế trong sinh hoạt thường ngày, họ cần ý thức sự lệ thuộc như thai nhi lệ thuộc vào người mẹ đang mang thai.

6. Thánh nữ Mechtilde: Mechtilde de Magdebourg sinh khoảng năm 1208 hoặc 1210 trong một gia đình quý tộc ở miền Saxe bên Đức. Từ năm 12 tuổi đã nhận được kinh nghiệm huyền bí, vì thế bỏ nhà cha mẹ rất sớm. Bà gia nhập nhóm nữ tu Bê-ganh tại Magdebourg và mang cuộc sống cầu nguyện, sám hối và gặp gỡ với Thiên Chúa. Trong vòng 30 năm bà không nói gì về những kinh nghiệm huyền bí đã nhận được. Đến năm 1250, theo lời huấn dụ của cha linh hướng Heinrich von Halle dòng Đaminh nên bà bắt đầu viết lại những kinh nghiệm riêng tư. Vì thế vào khoảng 40 tuổi bà viết một khảo luận “huyền kiến hay thị kiến” mang tựa đề “Ánh sáng chảy thiên tính” (*Lumière fluente de la divinité*) và cuốn sách chỉ được hoàn thành vào cuối đời. Cuốn sách đã gây nên nhiều phản ứng khen ngợi cũng như chống đối. Sự chống đối khá mạnh mẽ nên bắt buộc phải bỏ nhóm Bê-ganh về sinh sống trong gia đình và sau đó trong tu viện Xitô nữ ở Hefta bên cạnh nữ viện phụ Gertrude von Hackebon. Lúc đó bà đã 60 tuổi, và trong sự bình an của tu viện, bà viết cho xong cuốn sách và qua đời như một nữ tu Xitô vào năm 1282.

7. Thánh nữ Gertrude: Thánh Gertrude thành Eisleben sinh năm 1256 và qua đời năm 1302. Một vị thánh lừng danh đối với một số thánh khác mang cùng tên; vì thế bà được gọi thánh Gertrude Cả. Khi vừa được năm tuổi đã được gửi vào trong tu viện Biển Đức ở Helfa thuộc miền Saxe. Bà tu viện trưởng cũng mang tên Gertrude và có một người chị em mang tên Mechtilde thành Hackeborn. Bà người hướng dẫn cho Gertrude và họ trở nên hai người bạn thân thiết. Gertrude được học tiếng La Tinh từ thuở nhỏ, bình thường chỉ dành cho những người tận hiến khi lớn tuổi. Càng lớn, Gertrude trở thành một nữ đan sĩ có trí thông minh rực sáng và một hiểu biết uyên bác. Bà rất rành Kinh Thánh và những chuyên môn về tôn giáo, nhưng Gertrude thuộc loại người sống chiêm niệm. Bà rất yêu thích suy niệm về mầu nhiệm Thương Khó, về Thánh Thể, và mỗi lần đều đưa bà đến rơi lệ. Khi nói về Đức Giêsu và những mầu nhiệm của Ngài, bà làm cho người nghe thích thú. Khi lâm bệnh trong vòng năm tháng và đưa về cõi chết, bà không tỏ dấu hiệu buồn phiền, nhưng tỏa ra sự vui vẻ với cơn đau tăng dần. Bà qua đời qua đời ngày 17 tháng 11 năm 1302, được thấy Đức Mẹ đến an ủi. Thánh Gertrude được coi như một khuôn mặt huyền bí lớn trong Giáo hội Công Giáo. Cuốn sách về những điều Mạc Khải của bà rất nổi tiếng.